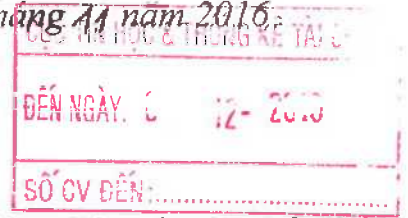


Số: 314 /2016/TT-BTC

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2016



THÔNG TƯ

Hướng dẫn một số điều tại Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 26/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Kho bạc Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn một số điều tại Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn một số điều của Nghị định số 24/2016/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định chế độ quản lý ngân quỹ nhà nước (sau đây gọi là Nghị định số 24/2016/NĐ-CP) về: dự báo luồng tiền; sử dụng ngân quỹ nhà nước (NQNN) tạm thời nhàn rỗi (không bao gồm việc tạm ứng NQNN tạm thời nhàn rỗi cho ngân sách trung ương và ngân sách cấp tỉnh); biện pháp xử lý NQNN tạm thời thiếu hụt; quản lý rủi ro đối với hoạt động quản lý NQNN; trách nhiệm, quyền hạn của các đơn vị trong quản lý NQNN.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đơn vị thuộc hệ thống Kho bạc Nhà nước (KBNN).
2. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính có liên quan đến công tác quản lý NQNN, bao gồm: Tổng cục Thuế; Tổng cục Hải quan; Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại; Vụ Ngân sách nhà nước (NSNN).

Chương II

DỰ BÁO LUỒNG TIỀN

Điều 3. Các loại dự báo luồng tiền

1. Dự báo luồng tiền có 03 loại dự báo sau:
 - a) Dự báo luồng tiền bằng đồng Việt Nam.
 - b) Dự báo luồng tiền bằng ngoại tệ quy ra đô la Mỹ.
 - c) Dự báo luồng tiền cả bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ quy ra đồng Việt Nam.
2. Tỷ giá quy đổi từ các loại ngoại tệ ra đô la Mỹ và từ đô la Mỹ sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán do Bộ Tài chính quy định tại thời điểm dự báo.

Điều 4. Kỳ dự báo luồng tiền

1. Kỳ dự báo luồng tiền được lập theo quý (có chia ra tháng) và dự báo năm (có chia ra quý).
 - a) Đối với dự báo quý, KBNN tổng hợp số liệu dự báo trước ngày 20 tháng cuối quý trước.
 - b) Đối với dự báo năm, KBNN tổng hợp số liệu dự báo trước ngày 20 tháng cuối năm trước.
2. Tùy theo tình hình thu, chi NQNN và yêu cầu quản lý, KBNN có thể lập dự báo luồng tiền theo tháng, tuần hoặc ngày.
 - a) Đối với dự báo tháng, KBNN tổng hợp số liệu trước ngày làm việc cuối cùng của tháng trước.
 - b) Đối với dự báo tuần, KBNN tổng hợp số liệu trước ngày làm việc đầu tiên của tuần dự báo.

Điều 5. Nội dung dự báo

1. Nội dung dự báo thu, chi NQNN được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 24/2016/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Các khoản thu NQNN, bao gồm: thu NSNN; thu các quỹ tài chính nhà nước và các khoản thu tiền gửi của các đơn vị giao dịch tại KBNN; thu từ huy động vốn cho NSNN và cho đầu tư phát triển (vay trong nước; vay nước ngoài); các khoản thu hồi sử dụng NQNN tạm thời nhàn rỗi.

b) Các khoản chi NQNN, bao gồm: chi NSNN (chi đầu tư phát triển; chi thường xuyên; chi trả hoàn thuế giá trị gia tăng, không bao gồm chi trả nợ thuộc phạm vi NSNN); chi trả nợ đến hạn (bao gồm, trả nợ trong nước như chi trả trái phiếu Chính phủ, trả nợ vay Bảo hiểm Xã hội Việt Nam,...; trả nợ nước ngoài và các khoản thanh toán nợ khác); các khoản chi tiền gửi của các đơn vị giao dịch tại KBNN và các quỹ tài chính nhà nước.

Chi tiết dự báo luồng tiền được thực hiện theo Mẫu số 05/DBTH, Mẫu số 06/DBVN và Mẫu số 07/DBNT ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Dự báo luồng tiền quy định tại Khoản 1 Điều này không bao gồm các khoản thu, chi NQNN chỉ mang tính chất chuyển nguồn, chuyển quỹ, không ảnh hưởng đến sự biến động tồn NQNN của toàn hệ thống KBNN; các khoản thu, chi viện trợ, vay nợ nước ngoài theo phương thức tài trợ trực tiếp cho các chương trình, dự án, không thực hiện thanh toán qua KBNN; các khoản ghi thu, ghi chi NSNN.

Điều 6. Nguồn thông tin dự báo

1. Đối với số liệu thu NSNN:

a) Tổng cục Thuế xác định và cung cấp cho KBNN số thu nội địa, thu dầu thô (theo Mẫu số 01/DB-TCT ban hành kèm theo Thông tư này).

b) Tổng cục Hải quan xác định và cung cấp cho KBNN số thu NSNN từ hàng hóa xuất nhập khẩu (theo Mẫu số 02/DB-TCHQ ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Đối với số liệu chi NSNN (không bao gồm chi hoàn thuế giá trị gia tăng), do KBNN tự xác định; đối với số chi hoàn thuế giá trị gia tăng, do Tổng cục Thuế xác định và cung cấp cho KBNN (theo Mẫu số 01/DB-TCT).

3. Đối với số liệu vay và trả nợ vay:

a) Vay và trả nợ vay trong nước: KBNN xác định số vay và trả nợ vay qua phát hành trái phiếu Chính phủ để bù đắp bội chi NSNN và cho đầu tư phát triển; các khoản trả nợ vay phát hành tín phiếu kho bạc để bù đắp NQNN tạm thời thiếu hụt đến hạn trong kỳ.

b) Vay và trả nợ vay nước ngoài: Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại xác định và cung cấp cho KBNN các khoản vay và viện trợ nước ngoài trực tiếp cho NSNN; các khoản trả nợ vay nước ngoài đến hạn trong kỳ (theo Mẫu số 03/DB-CQLN ban hành kèm theo Thông tư này).

c) Vay và trả nợ vay khác của NSNN: Vụ NSNN xác định và cung cấp cho KBNN (theo Mẫu số 04/DB-NSNN ban hành kèm theo Thông tư này).

4. Đối với số liệu thu, chi tiền gửi của các đơn vị giao dịch và các quỹ tài chính nhà nước: Do KBNN tự xác định.

5. Thu hồi các khoản sử dụng NQNN tạm thời nhân rồi đến hạn trong kỳ: Do KBNN tự xác định.

Điều 7. Xác định khả năng NQNN tạm thời nhân rồi hoặc NQNN tạm thời thiếu hụt

1. NQNN tạm thời nhân rồi hoặc NQNN tạm thời thiếu hụt trong kỳ được xác định theo công thức sau:

Tồn NQNN ước tính đầu kỳ cộng (+) tổng khả năng thu NQNN trong kỳ (bao gồm cả các khoản sử dụng NQNN đến hạn thu hồi) trừ đi (-) tổng nhu cầu chi NQNN trong kỳ (bao gồm cả các khoản hoàn trả tiền vay bù đắp NQNN tạm thời thiếu hụt đến hạn trong kỳ) trừ đi (-) định mức tồn NQNN tối thiểu trong kỳ. Trường hợp:

a) Phần chênh lệch dương là NQNN tạm thời nhân rồi trong kỳ.

b) Phần chênh lệch âm là NQNN tạm thời thiếu hụt trong kỳ.

2. Căn cứ dự báo khả năng NQNN tạm thời nhân rồi hoặc NQNN tạm thời thiếu hụt trong kỳ, KBNN xây dựng phương án điều hành NQNN trình Bộ Tài chính phê duyệt theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 24/2016/NĐ-CP. Cụ thể:

a) Trường hợp dự kiến NQNN tạm thời nhân rồi trong quý, năm, phương án điều hành NQNN nêu rõ các hạn mức sử dụng NQNN tạm thời nhân rồi được quy định tại Điều 13 Thông tư này.

b) Trường hợp dự kiến NQNN tạm thời thiếu hụt trong quý, năm, phương án điều hành NQNN nêu rõ tổng số lượng phát hành tín phiếu kho bạc để bù đắp NQNN tạm thời thiếu hụt; tổng số lượng thu hồi trước hạn các khoản tiền đang gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại (nếu có).

Chương III

SỬ DỤNG NGÂN QUỸ NHÀ NƯỚC TẠM THỜI NHÂN RỒI

Điều 8. Gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại

1. KBNN thực hiện gửi có kỳ hạn các khoản NQNN tạm thời nhân rồi tại các ngân hàng thương mại có mức độ an toàn cao theo xếp hạng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 24/2016/NĐ-CP.

2. Việc gửi tiền có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại được thực hiện theo hợp đồng gửi tiền có kỳ hạn giữa KBNN và ngân hàng thương mại, phù hợp với

các quy định của pháp luật; trong đó, nêu rõ trách nhiệm, quyền hạn của các bên và các nội dung khác có liên quan đến khoản tiền gửi có kỳ hạn.

3. Mức gửi tiền có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại không vượt quá hạn mức gửi tiền có kỳ hạn được quy định tại Điều 13 Thông tư này.

4. Thời hạn gửi tiền có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại tối đa không quá 03 tháng, kể từ ngày KBNN làm thủ tục chuyển tiền để thực hiện giao dịch.

5. Tổng Giám đốc KBNN quyết định việc gửi tiền có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 24/2016/NĐ-CP.

Điều 9. Mua lại có kỳ hạn trái phiếu Chính phủ

1. KBNN được thực hiện giao dịch mua lại có kỳ hạn đối với các loại trái phiếu Chính phủ và tín phiếu do KBNN phát hành đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán.

2. Hình thức giao dịch: Thỏa thuận điện tử hoặc thỏa thuận thông thường.

3. Kỳ hạn mua lại trái phiếu Chính phủ tối đa không quá 03 tháng, kể từ ngày KBNN làm thủ tục chuyển tiền để thực hiện giao dịch.

4. Quy trình, thủ tục mua lại có kỳ hạn trái phiếu Chính phủ được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương.

5. Tổng Giám đốc KBNN quyết định việc mua lại có kỳ hạn trái phiếu Chính phủ theo quy định tại Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 24/2016/NĐ-CP.

Chương IV

XỬ LÝ NGÂN QUỸ NHÀ NƯỚC TẠM THỜI THIẾU HỤT

Điều 10. Phát hành tín phiếu kho bạc

1. Căn cứ tình hình thu, chi, tồn NQNN và tình hình thị trường, KBNN xác định thời điểm và số lượng phát hành tín phiếu kho bạc để bù đắp NQNN tạm thời thiếu hụt cho phù hợp. Số lượng phát hành tối đa không vượt quá hạn mức phát hành tín phiếu kho bạc để bù đắp NQNN tạm thời thiếu hụt đã được Bộ Tài chính phê duyệt tại phương án điều hành NQNN.

2. Thời hạn phát hành tín phiếu kho bạc để bù đắp NQNN tạm thời thiếu hụt tối đa không quá 03 tháng, kể từ ngày phát hành.

3. KBNN bố trí nguồn để hoàn trả đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi và các khoản phí (nếu có) liên quan đến việc phát hành tín phiếu kho bạc để bù đắp NQNN tạm thời thiếu hụt.